

KẾ HOẠCH

**thực hiện Nghị quyết số 57 và chuyển đổi số
trong ngành Kiểm tra Đảng tỉnh Hưng Yên năm 2026**

I- CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 04-KH/UBKTTW, ngày 23/3/2026 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 57 và chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng năm 2026;

- Các Thông báo của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương: số 17-TB/CQTTBCĐ, ngày 29/12/2025 về Thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026; số 05-TB/CQTTBCĐ, ngày 05/01/2026 về Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

- Các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Số 36-KH/TU, ngày 14/01/2026 về triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng năm 2026; số 63-KH/TU, ngày 22/4/2026 về Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2028;

- Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh (số 01-CTr/BCĐ, ngày 09/01/2026);

- Kế hoạch số 05-KH/UBKTTU, ngày 01/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng;

Ủy ban Kiểm tra (UBKT) Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57 và chuyển đổi số trong ngành Kiểm tra Đảng tỉnh Hưng Yên năm 2026, như sau:

II- MỤC TIÊU

1. Đối với hạ tầng số và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia việc tái cấu trúc và dịch chuyển hệ thống thông tin chuyên ngành do UBKT Trung ương chủ trì (khi có yêu cầu, hướng dẫn của UBKT Trung ương).

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan (khi có yêu cầu) thực hiện nâng cấp hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng tại đơn vị với băng thông rộng, tốc độ cao và các giải pháp bảo mật tối ưu, bảo đảm kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông đến khối chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Công tác bảo đảm an ninh mạng được triển khai đồng bộ, an toàn. Hệ thống thông tin tại Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy phải hoàn thành phê duyệt phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ và duy trì giám sát an ninh thường xuyên.

2. Phát triển ứng dụng, nền tảng và hệ thống dữ liệu số nghiệp vụ

- Tiếp nhận và triển khai thống nhất 100% các nền tảng, ứng dụng số dùng chung trong ngành, bảo đảm mọi nghiệp vụ đủ điều kiện đều được xử lý toàn trình trên môi trường số. Phấn đấu 100% hồ sơ công việc phát sinh được tạo lập, xử lý trên môi trường điện tử và hoàn thành số hóa các tài liệu lưu trữ đã được chỉnh lý.

- Hoàn thiện việc làm sạch cơ sở dữ liệu UBKT các cấp, Cơ quan UBKT các cấp, đội ngũ cán bộ kiểm tra bảo đảm tính kết nối liên thông, đồng bộ thông tin xuyên suốt các cấp; bảo đảm 100% dữ liệu về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ UBKT, Cơ quan UBKT các cấp, đội ngũ cán bộ kiểm tra được quản lý trên môi trường số, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”.

- Thực hiện số hóa toàn diện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng thông qua việc triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành, nhất là việc lưu trữ, phân loại hồ sơ đơn thư khiếu nại, tố cáo, hồ sơ các cuộc kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật để số hóa; việc bố trí, sử dụng kinh phí đảm bảo theo quy định,...; toàn bộ quy trình làm việc của các cơ quan, đơn vị phải được vận hành đồng bộ, thông suốt trên một môi trường số thống nhất và an toàn do UBKT Trung ương triển khai.

- Hỗ trợ đội ngũ cán bộ kiểm tra trong toàn ngành kiểm tra Đảng tỉnh sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số của các cơ quan đảng một cách thống nhất, thuận tiện và an toàn. Ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) mã nguồn mở do Trung ương triển khai để vận hành trong mạng nội bộ để hỗ trợ công tác tổng hợp, tham mưu đối với dữ liệu thường, từng bước thử nghiệm triển khai vận hành đối với dữ liệu mật, góp phần nâng cao chất lượng công tác.

3. Tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

- Kịch bản toàn bộ phận giúp việc chuyển đổi số tại Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, đáp

ứng yêu cầu tham mưu, tổ chức thực hiện công tác chuyển đổi số của ngành Kiểm tra Đảng tỉnh và tham mưu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu cho đội ngũ cán bộ kiểm tra trong toàn ngành.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hoàn thiện thể chế

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Người đứng đầu UBKT các cấp phải trực tiếp chỉ đạo việc cải cách, số hóa quy trình, bảo đảm dữ liệu của đơn vị luôn “đúng, đủ, sạch, sống”.

1.2. Hoàn thiện thể chế

a) Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy khẩn trương rà soát, tham mưu ban hành kịp thời các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ trên môi trường số theo mô hình xử lý toàn trình để phù hợp với thực tiễn, bổ sung, sửa đổi các quy định cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế đánh giá định lượng về hiệu quả công tác chuyển đổi số thay vì chỉ liệt kê đầu việc, bảo đảm mục tiêu giảm kinh phí, tiết kiệm công sức, hiện đại hóa quy trình làm việc, xử lý công việc hiệu quả hơn so với trước đây.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Nhiệm vụ thường xuyên.

b) Bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026¹, bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 5/2026.

2. Phát triển hạ tầng số

2.1. Về trang thiết bị công nghệ thông tin

- Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với văn phòng cấp ủy cùng cấp rà soát đầu tư mua sắm thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu công tác và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

- Cơ quan UBKT Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy hướng dẫn, chỉ đạo UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy bảo đảm theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hướng dẫn khác có liên quan. Hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

2.2. Về đường truyền

- Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy có đường truyền

¹ Bao gồm các cơ quan, đơn vị đã ban hành Kế hoạch và các cơ quan chưa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026.

kết nối thông suốt từ UBKT Tỉnh ủy tới UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy với băng thông rộng, ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu sử dụng; kết nối liên thông với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Chủ trì thực hiện:

+ Cấp tỉnh: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy triển khai thực hiện.

+ Ủy ban Kiểm tra cấp xã, phường và tương đương phối hợp với Văn phòng cấp ủy cùng cấp triển khai thực hiện.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 5/2026.

2.3 Về triển khai chữ ký số

- 100% cán bộ, công chức ngành Kiểm tra Đảng được cấp chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Chủ trì thực hiện:

+ Cấp tỉnh: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy triển khai thực hiện.

+ Ủy ban Kiểm tra cấp xã, phường và tương đương phối hợp với Văn phòng cấp ủy cùng cấp triển khai thực hiện.

- Thời gian hoàn thành: Quý III, IV/2026.

3. Phát triển nền tảng số, ứng dụng số

3.1. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức triển khai, sử dụng thống nhất các quy trình lõi do Trung ương ban hành.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy.

- Cơ quan phối hợp: UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Thời gian hoàn thành: Theo lộ trình của UBKT Trung ương.

3.2. Tiếp nhận, tổ chức triển khai, sử dụng thống nhất trên các hệ thống, phần mềm của ngành theo quy định.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Nhiệm vụ thường xuyên.

3.3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy chủ động phát triển các phần mềm, hệ thống thông tin đặc thù đáp ứng yêu cầu thực tiễn cơ sở, nhưng phải tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn dữ liệu thống nhất. Các hệ thống mới chỉ được triển khai khi chứng minh được tính hiệu quả định lượng, bảo đảm khả năng kết nối, liên thông với kho dữ liệu dùng chung của Trung ương, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí và cát cứ dữ liệu (*không đầu tư các ứng dụng tương tự như hệ thống hiện có do Trung ương chuyển giao*).

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Nhiệm vụ Thường xuyên.

4. Phát triển dữ liệu số dùng chung, cải cách thủ tục hành chính trong ngành Kiểm tra

4.1. Phối hợp với văn phòng cấp ủy cùng cấp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, làm sạch và số hoá dữ liệu nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chung (*khi có quy định do UBKT Trung ương ban hành*); lưu trữ, cập nhật dữ liệu thường xuyên vào máy tính bảo mật để bảo đảm tính “đúng, đủ, sạch, sống”; khai thác, sử dụng hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu phục vụ công tác dự báo tình hình, chỉ đạo điều hành do UBKT Trung ương triển khai.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp.
- Nhiệm vụ thường xuyên.

4.2. Chủ động rà soát, tối ưu hoá các quy trình phối hợp và thủ tục nội bộ thuộc thẩm quyền theo phương châm “đơn giản hoá trước, số hoá sau” nhằm rút ngắn ít nhất 30% thời gian giải quyết công việc.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

5. Bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu

Triển khai đồng bộ các giải pháp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, Văn phòng Tỉnh ủy nhằm bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cho người dùng trong cơ quan. Yêu cầu các cơ quan tuyệt đối tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và của Đảng, bảo đảm an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi sang môi trường số, từ tiếp nhận, xử lý đến lưu trữ và khai thác dữ liệu số.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Nhiệm vụ thường xuyên.

6. Nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực và công tác chống lãng phí

6.1. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác đào tạo, bồi dưỡng: (1) Kiến thức cho cán bộ lãnh đạo quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. (2) Kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các ứng dụng; phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức ngành Kiểm tra Đảng tỉnh phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ. (3) Tập huấn cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin của Cơ quan UBKT Tỉnh ủy các kỹ năng, kiến thức về công nghệ số, an ninh mạng, quản lý, vận hành hệ thống và các lĩnh vực chuyên môn. (4) Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, gắn chỉ tiêu hiệu

quả cải cách hành chính số vào công tác thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp.
- Nhiệm vụ thường xuyên.

6.2. Quán triệt nghiêm tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư cho chuyển đổi số để tránh nguy cơ lãng phí, không chỉ về tiền bạc, vật chất, mà còn về nguồn lực con người, thời gian và cơ hội. Người đứng đầu Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy phải chủ động nhận diện sớm các nguy cơ và có giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra hậu quả rồi mới xử lý.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Nhiệm vụ thường xuyên.

6.3. Triển khai các giải pháp số hoá toàn diện quy trình nghiệp vụ nhằm tối ưu hoá chi phí vận hành. Phấn đấu đến hết năm 2026, giảm từ 30% đến 50% chi phí văn phòng phẩm, in ấn, gửi nhận văn bản và lưu trữ vật lý so với mức trung bình giai đoạn trước. Lấy kết quả cắt giảm chi phí hành chính làm tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả đầu tư và mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Nhiệm vụ thường xuyên.

7. Về nguồn lực tài chính

Ủy ban kiểm tra các cấp phối hợp với văn phòng cấp ủy cùng cấp bố trí dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư: (1) Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã. (2) Đầu tư, mua sắm (theo yêu cầu thực tế) các thiết bị đầu cuối phù hợp (bao gồm cả máy tính bảng),... để tạo lập môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp cho cán bộ, đảng viên. Phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả, tránh lãng phí. Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy là chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị thụ hưởng phải quyết liệt trong công tác giải ngân, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm tiến độ các dự án theo đúng kế hoạch; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chậm giải ngân do chủ quan dẫn đến lãng phí nguồn lực và thời gian.

- Chủ trì thực hiện: Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/6/2026 và theo lộ trình của Dự án.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trong toàn ngành Kiểm tra Đảng tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

- Giám sát thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch đối với UBKT cấp dưới. Định kỳ hằng quý, cử tổ công tác kiểm tra kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch đối với một số UBKT cấp dưới để đánh giá thực chất kết quả, hiệu quả thực hiện; kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế, biểu hiện hình thức, kém hiệu quả. Định kỳ hằng tháng tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này, gửi UBKT Trung ương (*trước ngày 25 hằng tháng*) qua hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.

- Chỉ đạo rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành hoặc tham mưu ban hành các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đáp ứng yêu cầu triển khai trên môi trường số, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị.

- Chỉ đạo triển khai ứng dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nghiệp vụ dùng chung của ngành Kiểm tra Đảng; chỉ đạo triển khai thống nhất các quy trình lõi, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

2. Cơ quan UBKT Tỉnh ủy

- Tích cực sử dụng, cập nhật dữ liệu vào các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ. Quản lý, khai thác hiệu quả thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, đôn đốc, hỗ trợ UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy trong triển khai ứng dụng các phần mềm chuyên ngành, nâng cao hiệu quả công tác.

- Đôn đốc, hướng dẫn UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu UBKT Tỉnh ủy giám sát UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBKT Trung ương theo quy định.

- Rà soát, đề nghị Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định cấp bổ sung kinh phí kịp thời để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin tại Cơ quan UBKT Tỉnh ủy.

3. Ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 thực hiện Nghị quyết số 57 và Đề án Chuyển đổi số năm 2026; rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí; rà soát, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản thuộc lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ làm căn cứ triển khai Kế hoạch.

- Tổ chức khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ của cơ quan đảng đúng quy định, hiệu quả; bảo đảm trang thiết bị cho cán bộ, công chức và mạng máy tính các cơ quan kết nối mạng của Tỉnh ủy.

- Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này, gửi UBKT Tỉnh ủy để tổng hợp (**trước ngày 21 hằng tháng**) qua hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo của đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Người đứng đầu UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số trong cơ quan; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và cán bộ, công chức về nhu cầu cấp thiết của chuyển đổi số trong cơ quan đảng.

- Phối hợp với Văn phòng cấp ủy cùng cấp rà soát cơ sở vật chất, phương án đầu tư trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền kết nối đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt, bảo mật, an ninh, an toàn, đáp ứng được mục đích, yêu cầu đã đề ra tại Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/01/2025 của Ban Bí thư.

- Đối với UBKT Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh ngoài thực hiện những nội dung tại Kế hoạch này còn thực hiện các yêu cầu khác do ngành dọc triển khai.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, có thể điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 05-KH/UBKTTU, ngày 20/01/2026. Các nhiệm vụ đã triển khai theo Kế hoạch số 05-KH/UBKTTU, ngày 20/01/2026 được tiếp tục thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương
- Thường trực Tỉnh ủy
- Ban Chỉ đạo tỉnh
- Văn phòng Tỉnh ủy (*để phối hợp*),
- Thường trực UBKT Tỉnh ủy,
- Các đ/c thành viên UBKT Tỉnh ủy,
- BTV các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- UBKT các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các Phòng thuộc Cơ quan UBKT Tỉnh ủy,
- Công TTĐT UBKT Tỉnh ủy,
- Lưu VT, VP.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC**

Bùi Tiến Duy

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CÓ THỜI HẠN HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 07-KH/UBKTTU ngày 15/5/2026 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy)

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả (KPI)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Rà soát, tham mưu ban hành kịp thời các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ trên môi trường số theo mô hình xử lý toàn trình, để phù hợp với thực tiễn; bổ sung, sửa đổi các quy định cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thông nhất dùng chung”.	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung, sửa đổi các quy định cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thông nhất, dùng chung”. - Xây dựng cơ chế đánh giá định lượng về hiệu quả công tác chuyển đổi số của từng cơ quan, đơn vị thay vì chỉ liệt kê đầu việc, bảo đảm mục tiêu giảm kinh phí, tiết kiệm công sức, hiện đại hóa quy trình làm việc, xử lý công việc hiệu quả hơn so với trước đây. - $\geq 90\%$ TTHC nội bộ được chuẩn hóa quy trình số. - Thời gian xử lý TTHC giảm $\geq 30\%$. 	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy		Thường xuyên
2	Bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 ¹	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch ban hành đảm bảo bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả. - Đúng thời gian quy định. 	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy		Tháng 5/2026

¹ Bao gồm các cơ quan đã ban hành Kế hoạch và các cơ quan chưa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026.

II. PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả (KPI)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	<p>Về trang thiết bị công nghệ thông tin:</p> <p>- Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp văn phòng cấp ủy cùng cấp rà soát đầu tư mua sắm thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu công tác và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.</p> <p>- Cơ quan UBKT Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy hướng dẫn, chỉ đạo UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy bảo đảm theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.</p>	<p>- Tạo lập môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp cho cán bộ, đảng viên</p> <p>- ≥95% cán bộ có thiết bị làm việc đạt chuẩn.</p> <p>- Đầu tư mua sắm thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu công tác và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.</p> <p>- Thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.</p>	<p>Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy</p>	<p>Văn phòng cấp ủy cùng cấp</p>	<p>30/6/2026</p>
2	<p>Có đường truyền kết nối thông suốt từ UBKT Tỉnh ủy tới UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy</p>	<p>-100% cơ quan, đơn vị được triển khai.</p> <p>- ≥99% uptime đường truyền cấp tỉnh.</p> <p>- Băng thông rộng, ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu sử dụng;</p>	<p>Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp xã,</p>	<p>Văn phòng cấp ủy cùng cấp</p>	<p>Tháng 5/2026</p>

3	Về triển khai chữ ký số	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối liên thông với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. - 100% cán bộ, công chức ngành kiểm tra được cấp chữ ký số chuyên dùng công vụ. - ≥90% văn bản điện tử ký số 	<p>phường và tương đương</p> <p>Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp xã, phường và tương đương</p>	Văn phòng cấp ủy cùng cấp	Quý III, IV/2026
---	-------------------------	--	--	---------------------------	------------------

III. PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG SỐ, ỨNG DỤNG SỐ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ĐẢNG

STT	Nội dung nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả (KPI)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Tiếp nhận, triển khai, sử dụng thống nhất các quy trình lõi do Trung ương ban hành	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định của Điều lệ Đảng; - Tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan 	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy	UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Theo lộ trình của UBKT Trung ương
2	Tiếp nhận, tổ chức triển khai, sử dụng thống nhất các hệ thống, phần mềm của ngành theo quy định	Đảm bảo thông suốt, đồng bộ từ UBKT Tỉnh ủy đến UBKT các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy		Thường xuyên
3	Chủ động phát triển các phần mềm, hệ thống thông tin đặc thù đáp	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn dữ liệu thống nhất. - Các hệ thống mới chỉ được triển khai khi chứng minh được tính hiệu quả định lượng, bảo 	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT		Thường xuyên

ung yêu cầu thực tiễn cơ sở.	đảm khả năng kết nối, liên thông với kho dữ liệu dùng chung của Trung ương. - Tránh đầu tư dàn trải, lãng phí và cát cứ dữ liệu (không đầu tư các ứng dụng tương tự như hệ thống hiện có do Trung ương chuyên giao).	cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy
------------------------------	---	---------------------------------

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ DÙNG CHUNG, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG ĐẢNG

STT	Nội dung nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả (KPI)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Thực hiện rà soát, làm sạch và số hóa dữ liệu nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chung	<ul style="list-style-type: none"> - Lưu trữ, cập nhật dữ liệu thường xuyên vào máy tính bảo mật để bảo đảm tính “đúng, đủ, sạch, sống”. - Khai thác, sử dụng hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu phục vụ công tác dự báo tình hình, chỉ đạo điều hành. - $\geq 95\%$ đơn vị cập nhật dữ liệu định kỳ. - Không phát sinh dữ liệu lỗi nghiêm trọng. 	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp	Thường xuyên
2	Chủ động rà soát, tối ưu hóa các quy trình phối hợp và thủ tục nội bộ thuộc thẩm quyền theo phương châm “đơn giản hóa trước, số hóa sau”.	<ul style="list-style-type: none"> - Rút ngắn ít nhất 30% thời gian giải quyết công việc. - Thời gian xử lý công việc giảm $\geq 30\%$. - $\geq 80\%$ quy trình nội bộ xử lý số. 	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp	30/6/2026

V. BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG, BẢO MẬT THÔNG TIN, AN TOÀN DỮ LIỆU

STT	Nội dung nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả (KPI)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Triển khai đồng bộ các giải pháp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cho người dùng thuộc các cơ quan, tổ chức đảng trong hệ thống chính trị. - Tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và của Đảng, đảm bảo an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi sang môi trường số, từ tiếp nhận, xử lý đến lưu trữ và khai thác dữ liệu số. - $\geq 95\%$ người dùng tuân thủ quy định ATTT. - Giảm $\geq 30\%$ sự cố do lỗi người dùng. - 100% yêu cầu phối hợp được xử lý kịp thời. 	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy		Thường xuyên

VI. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CÔNG TÁC CHỐNG LÃNG PHÍ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả (KPI)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.	Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cùng cấp	Thường xuyên
2	Quản triệt nghiêm tình thần chỉ đạo của đồng	- Kiểm soát chặt chẽ để tránh nguy cơ lãng phí không chỉ về tiền bạc, vật chất mà còn là lãng	Cơ quan UBKT		Thường xuyên

3	<p>chí Tổng Bí thư về nguồn nhân lực và chống lãng phí.</p> <p>Triển khai các giải pháp số hóa toàn diện quy trình nghiệp vụ nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành.</p>	<p>phí nguồn lực con người, thời gian và cơ hội. Người đứng đầu các đơn vị phải chủ động nhận diện sớm các nguy cơ và có giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra hậu quả rồi mới xử lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phát sinh dự án CDS chồng chéo. - $\geq 90\%$ kiến nghị kiểm tra được xử lý. - Lấy kết quả cắt giảm chi phí hành chính làm tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả đầu tư và mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị. - Giảm 30-50% chi phí văn phòng phẩm. - Giảm $\geq 50\%$ văn bản giấy. - CDS là tiêu chí bắt buộc trong đánh giá. - 100% người đứng đầu có kết quả CDS định lượng. 	<p>Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy</p> <p>Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy</p>	<p>Thường xuyên</p>
---	--	--	--	---------------------

VII. NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

STT	Nội dung nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả (KPI)	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	<p>Bố trí dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã. - Đầu tư, mua sắm (theo yêu cầu thực tế) các thiết bị đầu cuối phù hợp (bao gồm cả máy tính bảng),... - Tạo lập môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp cho cán bộ, đảng viên. 	<p>Cơ quan UBKT Tỉnh ủy, UBKT cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy</p>		<p>Hoàn thành trước 30/6/2026 và theo lộ trình của Dự án.</p>

- Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả, tránh lãng phí.
- Các cơ quan là chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị thụ hưởng phải quyết liệt trong công tác giải ngân, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm tiến độ các dự án theo đúng kế hoạch;
- Không để xảy ra tình trạng chậm giải ngân do chủ quan dẫn đến lãng phí nguồn lực và thời gian.
- Tỷ lệ giải ngân $\geq 95\%$ kế hoạch.
- Giải ngân đúng khối lượng hoàn thành.